TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 16- 7- 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Thuận; ông Lưu Đình Tâm

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/QĐST- HNGĐ ngày 26/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M; sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn K, huyện T, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Mai Thị D; sinh năm: 1991

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn K, huyện T, Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt anh M, vắng mặt chị D (Chị D vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/3/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh M và chị Mai Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 02/01/2012 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T (N là thị trấn K), huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ, chồng đã sống ly thân 07 năm nay. Nay anh Minh x thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh M yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung H, (Giới tính: Nam), sinh ngày: 17/4/2012. Sau khi ly hôn, anh M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập chị Mai Thị D để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị D đều vắng mặt không có lí do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Mai Thị D. Giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày: 14/7/2012 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn M chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với chị Mai Thị D. Chị D cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho chị D nhưng chị D vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt chị D và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị D theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Chị D đã được triệu tập đến tham gia hòa giải nhưng chị D vắng mặt. Đây là trường hợp không tiến hành hào giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Chị D đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng chị D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị D.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Mai Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 02/01/2012 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T (N là thị trấn K), huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy anh M, chị D kết hôn không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân 07 năm nay. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời

sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Mai Thị D là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh M và chị D có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày: 14/7/2012. Sau khi ly hôn, anh M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

HĐXX thấy: Từ khi anh M và chị D sống ly thân, cháu Nguyễn Trung H ở với anh M, được anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn anh M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với bố. Đây là nguyện vọng chính đáng của anh M và cháu H. Nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu Nguyễn Trung H, HĐXX thấy chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh M là phù hợp. Giao cháu Nguyễn Trung H cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của anh M, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Mai Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H, Giới tính: N), sinh ngày: 14/7/2012 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh M.

Chị D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền anh M đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002272 ngày 28/3/2024. Anh M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật

sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Nguyễn Văn M, vắng mặt chị Mai Thị D. Anh M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND thị trấn Kim Tân;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn